|  |  |
| --- | --- |
| **TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI**\*Số 272-BC/TU |  **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM***Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 11 năm 2022* |

**BÁO CÁO**

**Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23**-**NQ/TW, ngày 12/3/2003**

**của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh**

 -----

 **Phần thứ nhất**

**KẾT QUẢ 20 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 23-NQ/TW**

 **I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH THỜI ĐIỂM TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 23-NQ/TW**

 **1. Bối cảnh**

 Tỉnh Quảng Ngãi triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh (*viết tắt là Nghị quyết 23*) trong bối cảnh toàn Đảng, toàn quân và toàn dân đang ra sức triển khai nghị quyết đại hội Đảng các cấp, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX với nhiều thời cơ và thách thức đan xen. Cùng với Nghị quyết 23, Hội nghị Trung ương 7 khoá IX ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW về công tác dân tộc; Nghị quyết số 25-NQ/TW về công tác tôn giáo và các nghị quyết, chỉ thị khác về công tác thanh niên, phụ nữ, công nhân, nông dân, trí thức..., là những chủ trương quan trọng đối với nhiệm vụ việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trên địa bàn tỉnh, kinh tế tiếp tục phát triển, những dự án, công trình quan trọng được triển khai thực hiện, nhất là Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp tỉnh đang khẩn trương xây dựng kết cấu hạ tầng và thu hút đầu tư; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, đã tạo khí thế phấn khởi trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Tuy nhiên, trước thời cơ lớn và những yêu cầu mới, đội ngũ cán bộ trong tỉnh còn nhiều mặt hạn chế, nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đời sống người dân còn khó khăn.

**2. Tình hình khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên địa bàn**

Đại đa số Nhân dân trong tỉnh phấn khởi, tin tưởng và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Khối đại đoàn kết toàn dân trong tỉnh trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức được mở rộng và tăng cường. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong tỉnh đã từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hướng về địa bàn cơ sở và khu dân cư, đa dạng hóa các hình thức tập hợp Nhân dân, góp phần quan trọng trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Quy chế dân chủ ở cơ sở được triển khai rộng rãi, quyền làm chủ của Nhân dân trong tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, xã hội từng bước được chú trọng. Các giai cấp, tầng lớp nhân dân cùng nhau chung sức, đồng lòng xây dựng quê hương, đất nước, tạo sự đồng thuận xã hội, khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng được phát huy.

**II. KẾT QUẢ 20 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 23**

 **1. Khái quát tình hình**

 ***1.1. Tình hình kinh tế - xã hội của địa phương; những thuận lợi, khó khăn trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội***

Quảng Ngãi là tỉnh thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, có diện tích tự nhiên 5.152,49 km², dân số hiện khoảng 1.268.688 người, gồm 04 dân tộc chính Kinh, Hre, Kor, Cadong *(trong đó, các dân tộc thiểu số có trên 194.000 người, chiếm 15%*); có 13 đơn vị hành chính cấp huyện *(05 huyện đồng bằng, 05 huyện miền núi, 01 thị xã, 01 thành phố và 01 huyện đảo)*; 173 đơn vị hành chính cấp xã *(148 xã, 17 phường và 08 thị trấn)*.

 Từ một tỉnh nghèo, thuần nông, kinh tế xuất phát điểm thấp, ngân sách phụ thuộc sự hỗ trợ của Trung ương. Cơ cấu kinh tế, nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng lớn; công nghiệp, dịch vụ chưa phát triển. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn lạc hậu. Qua 20 năm thực hiện Nghị quyết 23, nhất là từ khi Nhà máy lọc dầu Dung Quất đi vào hoạt động năm 2009, quy mô và cơ cấu kinh tế có sự thay đổi lớn; cùng với sự quyết tâm, nỗ lực của cả hệ thống chính trị, sự chung tay của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân, kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực. GRDP năm 2021 đạt mức 52.925 tỷ đồng (theo giá so sánh), gấp 5,8 lần so với năm 2004; GRDP bình quân đầu người năm 2021 đạt 3.360 USD (khoảng 78,28 triệu đồng/người), gấp 18 lần so với năm 2004. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa. Thu ngân sách nhà nước năm 2021 đạt 31.616 tỷ đồng, gấp 18 lần so với năm 2004, từ năm 2011 đến nay, ngân sách tỉnh đã tự cân đối 100%. Công tác cải cách hành chính tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, việc sắp xếp lại các đơn vị hành chính, sự nghiệp công được chú trọng, xây dựng lộ trình thực hiện phù hợp. Công tác giáo dục và đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, văn hóa, thể dục thể thao được nâng lên. Đến cuối năm 2021, có 392 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 67,12%; 153/173 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, đạt tỷ lệ 88,44%; tỷ lệ người dân tham gia đóng bảo hiểm y tế đạt 92%. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Công tác đền ơn, đáp nghĩa, an sinh xã hội được quan tâm với nhiều hoạt động thiết thực, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm còn 5,35% (miền núi 17,82%). Các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh đạt nhiều kết quả quan trọng; việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Quy chế tiếp dân, đối thoại trực tiếp của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với dân được thực hiện nghiêm túc, tạo được sự tin tưởng, đồng thuận của Nhân dân đối với sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền.

 Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, vẫn còn một số khó khăn nhất định: Tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách nhà nước còn phụ thuộc nhiều vào Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với trung bình của cả nước. Công nghiệp chế biến, chế tạo phần lớn hoạt động ở phân khúc thấp trong chuỗi giá trị; nông nghiệp phát triển chưa bền vững, hiệu quả chưa cao; dịch vụ có giá trị gia tăng cao chưa nhiều. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn hạn chế; chất lượng một số quy hoạch chưa cao, quản lý thực hiện quy hoạch chưa chặt chẽ. Phát triển văn hóa - xã hội chưa đồng bộ với phát triển kinh tế. Chất lượng khám, chữa bệnh chưa thực sự đáp ứng yêu cầu thực tế. Giảm nghèo ở miền núi chưa bền vững, tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Hiệu quả cải cách hành chính còn thấp. Nhận thức về công tác dân vận trong hệ thống chưa đồng bộ; nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội có đổi mới nhưng chưa rõ nét. Việc đổi mới, sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế bộc lộ một số mặt bất cập; một số khâu trong công tác cán bộ còn hạn chế.…

 ***1.2.******Đánh giá chung về tình hình, tư tưởng, tâm trạng của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn***

 Tình hình tư tưởng, tâm trạng các tầng lớp nhân dân cơ bản ổn định, tin tưởng vào sự lãnh đạo của các cấp ủy, sự quản lý, điều hành của các cấp chính quyền. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số vấn đề đoàn viên, hội viên và Nhân dân quan tâm, đó là tình hình biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh còn diễn biến phức tạp, đặc biệt đại dịch Covid -19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển kinh tế - xã hội và đời sống Nhân dân; tình trạng ô nhiễm môi trường, đơn thư khiếu nại, tố cáo, lấn chiếm, tranh chấp đất đai xảy ra ở nhiều địa phương chưa được xử lý dứt điểm; giá cả một số nông sản bấp bênh, thị trường không ổn định; tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi còn kéo dài, nợ đọng BHXH vẫn còn ở mức cao[[1]](#footnote-1), ... đã tác động đến kết quả thực hiện Nghị quyết 23.

 **2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết 23**

 ***2.1. Lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết 23***

 Sau khi có Nghị quyết 23, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy ban hành Hướng dẫn số 27-HD/TG, ngày 09/4/2003 về việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết. Từ ngày 15 - 17/5/2003, Ban Thường vụ Tỉnh ủy khoá XVI tổ chức Hội nghị Tỉnh ủy (mở rộng) để nghiên cứu, quán triệt các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khoá IX và thông qua các chương trình hành động thực hiện nghị quyết, trong đó có Nghị quyết 23.

Sau Hội nghị Tỉnh ủy, 14 huyện, thị ủy và 06 đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đã kịp thời tổ chức hội nghị nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết và chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện nghị quyết của Trung ương.

Kết quả, toàn tỉnh đã mở 233 lớp học tập Nghị quyết 23, với 24.017 đồng chí là cán bộ, đảng viên tham dự *(đạt trên 80% so với số lượng đảng viên triệu tập)*, trong đó, cán bộ chủ chốt tham gia học tập đạt trên 95%. Bên cạnh đó, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh mở 01 lớp nghiên cứu, học tập cho 67 chức sắc tôn giáo, nhân sĩ tiêu biểu trong tỉnh.

Đối với Kết luận số 57-KL/TW, ngày 03/11/2009 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; về công tác dân tộc; về công tác tôn giáo *(viết tắt là Kết luận 57)*: Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Công văn số 1996-CV/TU, ngày 23/11/2009 chỉ đạo các ban đảng Tỉnh ủy, các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn tổ chức nghiên cứu, quán triệt các nội dung của Kết luận 57 tại địa phương, đơn vị và trong hệ thống tổ chức mình.

Nhìn chung, việc tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết 23, Kết luận 57 được Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cấp ủy các cấp trong tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, đảm bảo về thời gian, tiến độ; công tác tuyên truyền, phổ biến được thực hiện từ tỉnh đến cơ sở, tạo sự thống nhất trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân. Đa số cán bộ, đảng viên và quần chúng cốt cán có tinh thần thái độ học tập nghiêm túc, nhận thức tương đối đầy đủ, đúng đắn về quan điểm, mục tiêu, giải pháp theo Nghị quyết 23, Kết luận 57 đề ra.

***2.2.******Lãnh đạo việc cụ thể hóa nghị quyết bằng các nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch***

Thực hiện Nghị quyết 23 và Kết luận 57, Tỉnh ủy khoá XVI đã ban hành Chương trình hành động số 11-CTr/TU, ngày 04/6/2003 thực hiện Nghị quyết 23 và Kế hoạch số số 69-KH/TU, ngày 13/01/2010 về thực hiện Kết luận 57 trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành **23** nghị quyết, **24** chương trình, **39** chỉ thị, **30** kế hoạch, **14** quyết định, **08** kết luận; **HĐND** tỉnh ban hành **36** nghị quyết; **UBND tỉnh** ban hành **22** quyết định và nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện (***Phụ lục 1A đính kèm***).

Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (**100%**) đã ban hành chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 23 (***Phụ lục 1B đính kèm***).

 ***2.3.******Công tác kiểm tra, giám sát sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 23***

 - *Công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng*

 Năm 2004, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Chương trình kiểm tra, giám sát số 17-CTr/TU ngày 16/3/2004; ban hành Kế hoạch số 29-KH/TU ngày 08/6/2004 của Ban chỉ đạo giúp Ban Thường vụ Tỉnh uỷ kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết 23[[2]](#footnote-2). Năm 2005, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Đoàn kiểm tra giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành kiểm tra kết quả 02 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 23[[3]](#footnote-3). Năm 2007, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình kiểm tra, giám sát số 12-CTr/TU ngày 02/4/2007 của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong năm 2007, trong đó giao Ban Dân vận Tỉnh ủy thực hiện giám sát việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 23. Năm 2008, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình số 20-CTr/TU, ngày 18/3/2008 về kiểm tra, giám sát năm 2008, trong đó giao Ban Dân vận giám sát việc thực hiện nghị quyết 23[[4]](#footnote-4). Ngoài ra, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy đảng thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Trung ương, trong đó có Nghị quyết 23. Qua kiểm tra, giám sát, đã chỉ đạo khắc phục những hạn chế, thiếu sót và đề ra các giải pháp nhằm tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết đạt kết quả.

 - *Công tác sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết*

Để đánh giá kết quả đạt được cũng như những tồn tại, hạn chế và rút ra những bài học kinh nghiệm nhằm tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 23, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Công văn số 1176-CV/TU, ngày 27/6/2008 chỉ đạo việc tổng kết 5 năm thực hiện các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7, trong đó có Nghị quyết 23; Công văn số 1214-CV/TU, ngày 08/9/2022 về tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết 23 từ cấp cơ sở đến tỉnh, đảm bảo về nội dung và thời gian tổng kết.

Trên cơ sở đó, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Ban thường vụ các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn tổng kết 5 năm, 20 năm thực hiện Nghị quyết 23 và Chương trình hành động số 11-CTr/TU, ngày 04/6/2003 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết.

**3. Kết quả lãnh đạo thực hiện những chủ trương và giải pháp chủ yếu**

 ***3.1.******Xây dựng những định hướng chính sách nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc***

 - *Phát triển các thành phần kinh tế; liên kết vùng, các giải pháp phát triển đối với vùng nghèo, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số*

*+ Phát triển các thành phần kinh tế* được Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quan tâm[[5]](#footnote-5). Bên cạnh đó, tỉnh xác định phát triển đa dạng các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp, coi doanh nghiệp là trung tâm và lực lượng phát triển chủ yếu.

*Về khu vực kinh tế nhà nước*: Trên địa bàn tỉnh hiện có 05 doanh nghiệp, một số doanh nghiệp được cổ phần hóa, sắp xếp theo chủ trương của Chính phủ.

*Khu vực kinh tế tư nhân* (tính đến 31/12/2021), có 7.344 doanh nghiệp hoạt động, chiếm 75% so với số doanh nghiệp được thành lập; hiện có 353/662 dự án đi vào hoạt động, 297 dự án đang triển khai.

*Về doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*: Đã thu hút 54 dự án đầu tư nước ngoài (FDI) với tổng số đăng ký khoảng 1,766 tỷ USD; hiện có 40 dự án đi vào hoạt động.

*Hợp tác xã và hộ kinh doanh gia đình*: Năm 2020, toàn tỉnh có 89.972 cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản; năm 2021, toàn tỉnh có 275 hợp tác xã (bao gồm Quỹ tín dụng nhân dân) với 305.809 thành viên, số lao động làm việc thường xuyên là 3.681 lao động; doanh thu trung bình khoảng 1,6 tỷ đồng/năm/HTX; thu nhập bình quân từ lương của người lao động khoảng 41 triệu đồng/người/năm.

 *+ Về liên kết vùng, phát triển đối với vùng nghèo, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số*: Với vị trí địa lý thuận lợi, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, kết nối với các vùng kinh tế trong cả nước, trên cơ sở lợi thế so sánh của địa phương, tỉnh đã tập trung và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đầu tư, phát triển hệ thống hạ tầng dùng chung mang tính kết nối và liên vùng[[6]](#footnote-6). Đối với các vùng trong tỉnh, hạ tầng giao thông có bước phát triển mạnh, đảm bảo kết nối trung tâm của tỉnh tới trung tâm các huyện, các khu kinh tế và các khu công nghiệp, đáp ứng được tình hình kinh tế - xã hội và nhu cầu đi lại của người dân. Tỉnh đề ra nhiều chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, quan tâm công tác an sinh xã hội ở vùng nghèo, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số... góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tỉnh[[7]](#footnote-7). Triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách giảm nghèo và thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Các chính sách, dự án[[8]](#footnote-8)mang tính đặc thù riêng của tỉnh, hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ khó khăn. Giai đoạn 2004 - 2020, đã đầu tư 2.152 công trình thiết yếu ở các huyện nghèo, xã nghèo, thôn đặc biệt khó khăn, tạo điều kiện cho người dân ổn định đời sống, phát triển kinh tế. Qua đó, đã đạt được kết quả tích cực về giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn toàn tỉnh, cụ thể là năm 2010 tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 15,4%; năm 2015 tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 9,22%; năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 6,41%; đến cuối năm 2021 tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020) tiếp tục giảm còn 5,35% (riêng miền núi còn 17,82%).

 *- Phát triển văn hóa, y tế, giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ*

 *+ Về văn hóa*: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 05 thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh; 13/13 huyện, thị xã, thành phố đã thành lập Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao; có 122/173 xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa - khu thể thao (*đạt 70,1%*); tỷ lệ thôn, bản, khu dân cư có nhà văn hóa đạt 94,77%. Công tác quản lý văn hoá được chú trọng, một số di sản văn hóa phi vật thể được phục dựng và tổ chức[[9]](#footnote-9). Từ năm 2016 đến nay, toàn tỉnh có: 01 Di tích được công nhận di tích quốc gia đặc biệt (*Di tích lịch sử Địa điểm về cuộc khởi nghĩa Ba Tơ*); 05 Di sản Văn hóa phi vật thể quốc gia[[10]](#footnote-10); 02 Di tích quốc gia[[11]](#footnote-11); 03 bảo vật quốc gia và 51 di tích cấp tỉnh.

 *+ Về phát triển y tế*: Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 26-CT/TU, ngày 14/11/2013 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc nâng cao chất lượng bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Công tác chăm sóc sức khỏe và phát triển y tế đạt kết quả tích cực[[12]](#footnote-12). Hiệu quả trong công tác phòng, chống dịch bệnh và chăm sóc, điều trị ngày được nâng cao, đặc biệt công tác phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2017 - 2020. Công tác phòng chống sốt rét triển khai thường xuyên và được khống chế; năm 2019, năm 2020: có 20 ca mắc sốt rét và năm 2021 chỉ còn 10 ca mắc. Phòng chống, đẩy lùi và thanh toán các bệnh xã hội và bệnh dịch nguy hiểm, giai đoạn 2005 - 2020. Tuy nhiên, từ đầu năm 2020 đến nay, đại dịch Covid-19 đã xảy ra trên cả nước, trong đó có tỉnh Quảng Ngãi; triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ về nhiệm vụ và giải pháp phòng chống Covid-19, đến nay tỉnh đã cơ bản kiểm soát được dịch, mọi hoạt động của xã hội đã trở lại bình thường.

*+ Về phát triển giáo dục và đào tạo*: Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 22-CT/TU, ngày 07/9/2007 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2007 - 2010; chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án kiên cố hoá trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên; Đề án xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2008 - 2012. Tăng cường chất lượng đội ngũ giáo viên, có kế hoạch luân chuyển giáo viên giữa các vùng cho hợp lý. Tỉnh tiếp tục phát triển giáo dục đào tạo theo hướng chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng thực hành và định hướng nghề nghiệp của học sinh. Mạng lưới phòng học cơ bản đáp ứng yêu cầu[[13]](#footnote-13).Tỷ lệ học sinh khá, giỏi, đạt hạnh kiểm tốt tăng hơn so với trước; tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng hằng năm tăng đáng kể; việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được tập trung chỉ đạo thực hiện[[14]](#footnote-14).

*+ Về phát triển khoa học và công nghệ* được quan tâm đầu tư và hỗ trợ[[15]](#footnote-15). Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 15 đơn vị sự nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ, 06 doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Giai đoạn 2004 - 2021, đã triển khai 11 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực công nghiệp, trong đó đã thiết kế, chế tạo được Robot hàn tự động 6 bậc; 105 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp; 12 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường; 45 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; 18 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khoa học kỹ thuật, công nghệ.

 - *Phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ cương; đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; thực hiện phương châm* “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"*.

 Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành nhiều văn bản cụ thể hóa việc phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ cương[[16]](#footnote-16); đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng[[17]](#footnote-17); thực hiện phương châm *“Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"*[[18]](#footnote-18)*;* Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với dân[[19]](#footnote-19). Từ năm 2017 đến nay, Bí thư Tỉnh ủy tổ chức 06 cuộc đối thoại trực tiếp với dân[[20]](#footnote-20); tổ chức 05 cuộc tiếp dân định kỳ, đột xuất; Bí thư của 13/13 huyện, thị, thành ủy tổ chức được 250 cuộc đối thoại trực tiếp với dân[[21]](#footnote-21), tổ chức 136 cuộc tiếp dân định kỳ, đột xuất; Bí thư của 173/173 xã, phường, thị trấn tổ chức được 2.258 cuộc đối thoại trực tiếp với dân[[22]](#footnote-22), tổ chức 1.693 cuộc tiếp dân định kỳ, đột xuất. Trên cơ sở những kiến nghị, phản ánh của cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên và Nhân dân, bí thư các cấp ủy đảng đã tập trung giải quyết và chỉ đạo giải quyết kịp thời (*Cấp tỉnh: tỷ lệ giải quyết: hơn 85 % vụ việc: cấp huyện và cấp xã: tỷ lệ giải quyết gần 90% vụ việc)*. Qua đó, đã tạo tinh thần dân chủ, gần gũi giữa cấp ủy với Nhân dân, góp phần mở rộng hình thức dân chủ trực tiếp, tạo được sự đồng thuận của dư luận xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với cấp ủy đảng, chính quyền.

 ***3.2.******Xây dựng những định hướng chính sách, giải pháp đối với các giai cấp, tầng lớp nhân dân***

 *- Giai cấp* *công nhân:* Quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng về giai cấp công nhân và xây dựng giai cấp công nhân, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản[[23]](#footnote-23) nhằm đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động giai cấp công nhân trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; xác định xây dựng giai cấp công nhân là một điều kiện tiên quyết để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà. Giai đoạn 2003 - 2008 trên địa bàn tỉnh có trên 50.000 công nhân, lao động (CNLĐ); hầu hết CNLĐ xuất thân từ nông dân, đa số chưa được đào tạo cơ bản và có hệ thống, số công nhân được đào tạo nghề cơ bản chỉ chiếm 30%. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 78.000 CNLĐ, chiếm 6,13% dân số của tỉnh, lao động qua đào tạo đạt 59,9%. Tình hình việc làm, đời sống của đội ngũ CNLĐ trong tỉnh từng bước được cải thiện.

 *- Giai cấp nông dân*: Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo[[24]](#footnote-24) hoạt động của hội nông dân và phát huy vai trò của giai cấp nông dân trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; tạo điều kiện để nông dân tham gia đóng góp và hưởng lợi nhiều hơn trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.Năm 2003, lực lượng nông dân chiếm 80% dân số toàn tỉnh; quá trình công nghiệp hóa và chuyển dịch lao động, hiện nay nông dân trên địa bàn tỉnh hiện có khoảng 763,5 ngàn người chiếm gần 60% dân số của tỉnh và chiếm đa số lực lượng lao động xã hội, đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

- *Đội ngũ trí thức*: Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII - XX và một số nghị quyết chuyên đề của tỉnh luôn xác định việc chăm lo, phát triển nguồn nhân lực là một trong những nhiệm vụ đột phá. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện[[25]](#footnote-25). Đội ngũ trí thức không ngừng được tăng cường về số lượng, chất lượng được nâng cao. Toàn tỉnh hiện có trên 40.000 người, chiếm khoảng 3,14% dân số toàn tỉnh, có trình độ cao đẳng và đại học trở lên. Hoạt động của đội ngũ trí thức đã góp phần vào việc nâng cao dân trí, tiếp thu công nghệ mới và thúc đẩy việc ứng dụng các thành tựu tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống.

*- Thanh niên*: Phát huy vai trò to lớn của thanh niên trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác đoàn và phong trào thanh niên[[26]](#footnote-26). Thanh niên trong tỉnh hiện có trên 348.000 người, chiếm 27,3% dân số của tỉnh, là lực lượng luôn phát huy vai trò xung kích, tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng với nhiều hoạt động sôi nổi, thiết thực; tổ chức Đoàn ngày càng được củng cố và phát triển, đội ngũ cán bộ Đoàn từng bước được trưởng thành; mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên được mở rộng đã góp phần tích cực vào việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

*- Phụ nữ:* Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phụ nữ và công tác phụ nữ, Ban Thường vụ đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện[[27]](#footnote-27). Chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền ban hành các chủ trương, chính sách về bình đẳng giới, về hỗ trợ phụ nữ học nghề, giải quyết việc làm, đào tạo, bồi dưỡng và một số chính sách khác liên quan nhằm tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện[[28]](#footnote-28). Phụ nữ trong tỉnh hiện có trên 639.000 người, chiếm 50,3% dân số của tỉnh, luôn phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý, điều hành của Nhà nước. Phong trào phụ nữ ngày càng thu hút được đông đảo phụ nữ trong tỉnh tham gia, tạo điều kiện để phụ nữ được vươn lên vì sự bình đẳng và phát triển.

*- Cựu chiến binh*: Ban Thường vụ Tỉnh ủy luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện chủ trương của Đảng về cựu chiến binh và công tác cựu chiến binh[[29]](#footnote-29). Cựu chiến binh trên địa bàn tỉnh hiện có trên 30.000 hội viên, chiếm khoảng 2,36% dân số toàn tỉnh. Hầu hết cán bộ, hội viên cựu chiến binh luôn giữ vững và phát huy bản chất truyền thống “*Bộ đội Cụ Hồ*”, tích cực tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa và bảo vệ Nhân dân, góp phần giữ vững ổn định chính trị ở cơ sở; giáo dục truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ; tham gia có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương.

*- Người cao tuổi* trong tỉnh ngày càng tăng với trên 164.000 người, chiếm trên 13% dân số của tỉnh. Các cấp ủy đảng, chính quyền luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Người cao tuổi[[30]](#footnote-30). Người cao tuổi luôn nêu cao vai trò *“Tuổi cao, gương sáng”* trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt trong việc giáo dục thế hệ trẻ về phẩm chất nhân cách, đạo đức, lòng yêu nước. Nguyện vọng của người cao tuổi là Đảng và Nhà nước tiếp tục quan tâm chăm sóc người cao tuổi, phát huy vai trò, uy tín và kinh nghiệm người cao tuổi.

*- Các doanh nhân:* Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy luôn quan tâm xây dựng đội ngũ doanh nhân của tỉnh thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế[[31]](#footnote-31). Các cấp ủy, chính quyền thường xuyên đối thoại, gặp mặt, phổ biến, thông tin, truyền tải kịp thời các cơ chế, chính sách mới của tỉnh về khuyến khích đầu tư, thu hút, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp hoạt động, phát triển[[32]](#footnote-32). UBND tỉnh ban hành các quyết định, kế hoạch về hỗ trợ doanh nghiệp[[33]](#footnote-33). Đội ngũ doanh nhân ở tỉnh có trên 7,5 ngàn người, chiếm khoảng 0,6% dân số của tỉnh, tỷ lệ doanh nhân (người đứng đầu doanh nghiệp) có trình độ đại học, cao đẳng chiếm 41,5%; trên đại học chiếm 1,4%; là lực lượng năng động, giữ vai trò nòng cốt đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng kinh tế - xã hội của địa phương.

*- Các dân tộc thiểu số*: Đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh sinh sống tập trung chủ yếu ở 05 huyện miền núi của tỉnh[[34]](#footnote-34). Về định hướng, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số được tỉnh quan tâm[[35]](#footnote-35). Các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh có trên 194.000 người, chiếm khoảng 15% dân số của tỉnh, thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Đảng và Nhà nước đã đầu tư nhiều dự án, chương trình quan trọng để giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội miền núi. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào các dân tộc thiểu số còn khá cao, khoảng cách phát triển giữa miền núi và đồng bằng chậm được thu hẹp, đời sống của đồng bào vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn; công tác giảm nghèo chưa thật sự bền vững.

*- Về công tác tôn giáo*: Năm 2003, toàn tỉnh Quảng Ngãi có trên 94.000 tín đồ thuộc 4 tôn giáo (Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao đài), chiếm 7,5% dân số. Đến nay, số lượng tín đồ các tôn giáo có 256.509 tín đồ, chiếm 19,5% dân số của tỉnh. Để tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác tôn giáo trên địa bàn tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo. Nhìn chung, đồng bào theo các tôn giáo trong tỉnh chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, sống “*tốt đời, đẹp đạo*”, tiếp tục phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp và đóng góp các nguồn lực của tôn giáo vào sự phát triển chung của tỉnh.

*- Cộng đồng người Quảng Ngãi ở nước ngoài* có khoảng gần 10.000 người đang sinh sống, học tập và làm việc ở 33 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó, có 2/3 kiều bào Quảng Ngãi sinh sống, học tập và làm việc ở nước Mỹ. Hằng năm, tỉnh tổ chức gặp mặt bà con kiều bào tỉnh Quảng Ngãi về quê nhân dịp Tết cổ truyền của dân tộc để giao lưu, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của bà con; đồng thời, tuyên truyền các chủ trương của Đảng và Nhà nước về công tác người Việt Nam ở nước ngoài, về thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; thông qua đó, bà con kiều bào đã cảm nhận được tình cảm chân thành, cởi mở và nhận thức cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không thể tách rời của dân tộc Việt Nam. Từ năm 2015 đến nay, số lượng kiều bào tỉnh Quảng Ngãi về quê tăng dần qua mỗi năm. Lượng kiều hối do bà con kiều bào chuyển về trung bình mỗi năm khoảng 18 triệu USD (*tương đương gần 400 tỷ đồng*); góp phần phát triển kinh tế gia đình và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

***3.3.******Phát huy vai trò của chính quyền nhà nước trong việc thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc***

- *Cụ thể hóa các cơ chế nhằm phát huy dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện*

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo chính quyền các cấp triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác dân vận trong các cơ quan Nhà nước[[36]](#footnote-36). Thực hiện nghiêm túc việc tham vấn, lấy ý kiến cộng đồng dân cư trong vùng dự án trước khi quyết định chủ trương đầu tư nhằm đảm bảo quyền lợi cho người dân[[37]](#footnote-37). Các sở, ban, ngành, địa phương chủ động cung cấp thông tin đối với các chương trình, kế hoạch, quy hoạch, đề án, dự án có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân cho ban dân vận cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội nghiên cứu tham gia ý kiến và bàn giải pháp phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, vận động trong quá trình triển khai thực hiện nhằm tạo sự đồng thuận xã hội.

- *Nhiệm vụ phục vụ nhân dân của các cơ quan nhà nước*

*+ Hoạt động của Hội đồng nhân dân* các cấp có nhiều đổi mới, chất lượng được nâng lên. Thông qua các hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân, Nhân dân đề đạt tâm tư, nguyện vọng, phản ánh, kiến nghị của mình để cấp có thẩm quyền giải quyết. Các nội dung, chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân nắm bắt kịp thời thông tin về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các phiên khai mạc, bế mạc và chất vấn trực tiếp đều được truyền hình, truyền thanh cho cử tri cả tỉnh theo dõi, giám sát hoạt động của cơ quan dân cử.

*+ Ủy ban nhân dân tỉnh* ban hành các quy định về củng cố, kiện toàn tổ chức, phân công rõ thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Xây dựng Quy chế đối thoại trực tiếp của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp với nhân dân trên địa bàn tỉnh. Tăng cường thực hiện công tác dân vận chính quyền, thực hiện nghiêm túc việc tiếp công dân, tập trung giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và các vấn đề bức xúc, nổi cộm trong nhân dân; tạo thuận lợi cho tổ chức, công dân trong quá trình liên hệ công tác[[38]](#footnote-38). Quan tâm ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính; duy trì các ứng dụng tiện ích để nâng cao chất lượng phục vụ[[39]](#footnote-39). Ban hành Quyết định số 571/QĐ-UBND, ngày 25/4/2019 về việc thành lập Tổ công tác chỉ đạo giải quyết một số vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đông người, phức tạp, kéo dài trên địa bàn tỉnh.

*+ Các cơ quan tư pháp* đã tăng cường đổi mới chất lượng điều tra, khởi tố, truy tố, xét xử đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, đúng pháp luật, đảm bảo quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

- *Cơ chế và các điều kiện đảm bảo để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tiếp nhận phản ánh, tiếp thu ý kiến, nguyện vọng của nhân dân; tham gia xây dựng, hoạch định chính sách, pháp luật; giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước và đại biểu dân cử* được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện[[40]](#footnote-40). Trong những năm qua, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã tổ chức 2.368 cuộc giám sát và trên 1.093 cuộc phản biện xã hội, tham gia góp ý hàng ngàn dự thảo văn bản liên quan.

- *Nhân dân tham gia ý kiến vào những vấn đề quan trọng của địa phương*[[41]](#footnote-41) bằng các hình thức phù hợp, như: Thông qua “*Hòm thư góp ý*” đặt tại trụ sở làm việc; đối thoại với người đứng đầu cấp ủy, chính quyền; tổ chức hội nghị lấy ý kiến trực tiếp; công khai, niêm yết tại trụ sở làm việc; qua tiếp xúc cử tri; thông qua Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội[[42]](#footnote-42). Hội đồngnhân dân tỉnh trước khi ban hành các nghị quyết liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng của công dân đều lấy ý kiến tham gia phản biện xã hội, phản biện khoa học của MTTQ Việt Nam tỉnh, Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật tỉnh, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- *Công tác chăm lo đào tạo, bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ, giáo dục đạo đức cho đội ngũ cán bộ chính quyền các cấp* được quan tâm. Tổng số cán bộ công chức tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước 100.240 lượt người[[43]](#footnote-43). Ngoài ra, tổ chức bồi dưỡng cho 5.376 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2011 - 2016 và 2016 - 2021; hỗ trợ đi đào tạo cho 1.281 lượt cán bộ, công chức thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, cấp huyện với tổng kinh phí hơn 14 tỷ đồng.

- *Giáo dục cán bộ thực hành phong cách “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân" và “nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin". Thực hiện phương thức dân chủ trong lãnh đạo và quản lý điều hành, khắc phục lối làm việc mệnh lệnh, hành chính đơn thuần* được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và được đưa vào quy chế, quy định cụ thể[[44]](#footnote-44). Tổ chức, bộ máy được sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nhiều cơ quan, đơn vị đã phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ bản khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, đối tượng quản lý. Đã ban hành các quy định và từng bước hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chức danh công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định. Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức. Qua đó, công chức thực thi công vụ nâng cao nhận thức, tinh thần, trách nhiệm phục vụ Nhân dân; đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, công dân đối vớicơ quan, cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp giải quyết công việc của người dân, doanh nghiệp đạt tỷ lệ cao (*Cấp tỉnh: 99%; cấp huyện: 96,65%; cấp xã: 92,51%*).

 ***3.4.******Việc mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp Nhân dân, nâng cao vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc***

- *Việc mở rộng đa dạng hóa các hình thức tập hợp Nhân dân; xây dựng cộng đồng dân cư tự quản, phát huy giá trị hình thức cộng đồng truyền thống* được chú trọng[[45]](#footnote-45). Với phương châm hướng mạnh về cơ sở, bám sát địa bàn dân cư để nắm tình hình; chủ động đăng ký thực hiện các công trình, phần việc; thông qua việc xây dựng và thực hiện tốt các quy ước, hương ước ở khu dân cư *(100% khu dân cư đã xây dựng quy ước, hương ước)*, các hình thức câu lạc bộ, mô hình tự quản, tổ chức các hội thi, hội diễn, với hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với đặc điểm văn hóa của từng địa phương; các phong trào hành động cách mạng thiết thực để vận động, tập hợp, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân[[46]](#footnote-46). Nhiều mô hình *"Dân vận khéo"* hoạt động có hiệu quả được các địa phương nhân rộng như: Mô hình *"Khu dân cư 6 không"; "Khu dân cư thực hiện hài hòa giảm nghèo và bảo vệ môi trường"; "Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang"; "Khu dân cư thực hiện văn minh trong tang lễ và báo hiếu", "Khu dân cư tham gia phân loại rác thải nhựa, túi nilon";*...

- *Công tác phối hợp của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân với các cơ quan nhà nước hướng hoạt động về cơ sở; vận động Nhân dân xóa đói giảm nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng* được thực hiện thông qua việc ký kết chương trình, kế hoạch phối hợp thực hiện nhiệm vụ từng giai đoạn và hàng năm của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tỉnh với chính quyền cùng cấp. Qua đó, đã phát huy vai trò tích cực của Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội; động viên các tầng lớp nhân dân phát huy nội lực để phát triển kinh tế - xã hội; củng cố quốc phòng - an ninh, hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- *Cử đại diện của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tham gia các ủy ban, hội đồng, ban điều hành các dự án, chương trình kinh tế- xã hội có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân ở cơ sở* được thực hiện nghiêm túc và đạt một số kết quả[[47]](#footnote-47).

***3.5.******Về tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, nâng cao trách nhiệm công dân, xây dựng sự đồng thuận xã hội, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước***

- *Công tác tuyên truyền, mở rộng và nâng cao chất lượng giáo dục truyền thống yêu nước, trách nhiệm công dân; đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp; giáo dục ý thức chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết trong Đảng và trong Nhân dân, xây dựng sự đồng thuận xã hội và đề cao ý thức cộng đồng trách nhiệm* được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện[[48]](#footnote-48). Hằng năm, các cấp ủy đảng ban hành kế hoạch học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, trong đó chỉ đạo mỗi cán bộ, đảng viên xây dựng cam kết rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, không suy thoái, chống biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”[[49]](#footnote-49). Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức[[50]](#footnote-50). Qua đó, tạo sự chuyển biến tích cực trong việc tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, trong thực thi nhiệm vụ, tạo sự đồng thuận xã hội.

- *Phát động sâu rộng các phong trào thi đua yêu nước; thực hiện các cuộc vận động theo từng lĩnh vực cụ thể và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" theo 04 nội dung (phần 4) của Nghị quyết.*

*+ Các phong trào toàn dân thi đua làm kinh tế giỏi, làm giàu hợp pháp, giảm nghèo* được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đạt nhiều kết quả*.* Huy động Nhân dân áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế[[51]](#footnote-51). Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia các chương trình lập nghiệp, khởi nghiệp, vươn lên làm giàu chính đáng[[52]](#footnote-52). Thông qua các dự án, chính sách hỗ trợ từ các chương trình mục tiêu quốc gia để tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân. Tổ chức điều tra về thực trạng và nhu cầu sử dụng lao động tại 240 doanh nghiệp để có cơ sở định hướng giáo dục nghề nghiệp cho thanh niên. Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” được triển khai sâu rộng và đạt nhiều kết quả[[53]](#footnote-53). Tạo điều kiện cho đoàn viên, hội viên tiếp cận với các nguồn vốn để phát triển sản xuất[[54]](#footnote-54). Phong trào thi đua “Quảng Ngãi chung sức xây dựng nông thôn mới” được đông đảo người dân đồng tình, hưởng ứng, góp phần đưa 93 xã và 02 huyện hoàn thành đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới (Nghĩa Hành, Tư Nghĩa). Vận động sửa chữa, xây dựng nhà đại đoàn kết, nhà nhân ái, mái ấm tình thương, mái ấm công đoàn, nhà tránh lũ; hỗ trợ gia đình nghèo, có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong cuộc sống. Toàn tỉnh hiện có 85.134 hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi các cấp.

*+ Phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hóa và các cuộc vận động ngăn chặn, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội và văn hóa phẩm độc hại* đượcMặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội chú trọng thực hiện. Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, ý thức tự giác của Nhân dân về thực hiện nếp sống văn minh gắn với phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”. Nhiều phong trào, mô hình “*Dân vận khéo*” được triển khai thực hiện mang lại hiệu quả thiết thực[[55]](#footnote-55) đã tác động tích cực trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội và tạo cảnh quan, môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, văn minh ngay tại cơ sở. Đến năm 2021, có 89,7% hộ gia đình; 94,5% thôn, tổ dân phố và 96% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa; 13/25 (52%) phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị. Đẩy mạnh việc hưởng ứng phong trào thi đua đặc biệt *“Cả nước đoàn kết, chung sức, đồng lòng thi đua phòng, chống và chiến thắng đại dịch Covid-19”*, đã vận động, quyên góp hơn 83,4 tỷ đồng, nhiều hàng hóa, nhu yếu phẩm phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19.

*+ Phong trào cả nước trở thành một xã hội học tập, học tập suốt đời, trước hết trong cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ* được quan tâm chỉ đạo thực hiện[[56]](#footnote-56). Tích cực tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về xây dựng xã hội học tập; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động học tập suốt đời; vận động, khuyến khích mọi tầng lớp nhân dân xây dựng, duy trì thói quen tự học, ý thức học tập suốt đời; phát động các cuộc vận động, phong trào thi đua về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Đến nay, toàn tỉnh đã công nhận: 181.973 gia đình đạt tiêu chí gia đình học tập, đạt 54%; 520 dòng họ đạt tiêu chí dòng họ học tập, đạt 53,2%; 681 cộng đồng học tập cấp thôn, đạt 62,6%; 796 đơn vị học tập thuộc cấp xã quản lý, đạt 70%; 291 đơn vị học tập thuộc cấp huyện, đạt 69,4%; 55/173 xã, phường, thị trấn đạt 15 tiêu chí đơn vị học tập cấp xã, đạt 31,79%.

*+ Tôn vinh, biểu dương người tốt, bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến; đấu tranh chống tệ quan liêu, mất dân chủ, tham nhũng*:Phong trào xây dựng "*Người tốt, việc tốt*", phát hiện, nhân rộng, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, nhất là “*những tấm gương bình dị mà cao quý*” trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được các cấp uỷ quan tâm thực hiện[[57]](#footnote-57); qua đó đã cổ vũ, động viên các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân tích cực học tập và làm theo Bác, góp phần quan trọng vào việc phát huy vai trò của Nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ.Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có trên 2.000 gương “*Người tốt, việc tốt*” được suy tôn ở các cấp.

***3.6.******Công tác xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng để Đảng thực sự là hạt nhân lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân tộc***

**-** *Công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng; củng cố sự đoàn kết thống nhất trong từng cấp ủy, tổ chức đảng; vai trò gương mẫu của đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu; cơ chế để người dân tham gia xây dựng Đảng* được chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thục hiện[[58]](#footnote-58). Thường xuyên rà soát, bổ sung quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo chủ chốt. Phân công các đồng chí Tỉnh ủy viên tham gia sinh hoạt tại các chi bộ, đảng bộ cơ sở[[59]](#footnote-59).Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chú trọng kiểm tra, giám sát người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng theo từng giai đoạn[[60]](#footnote-60). Chỉ đạo các cấp ủy, tập thể lãnh đạo, cán bộ, đảng viên kiểm điểm, tự phê bình và phê bình; gợi ý kiểm điểm đối với những tập thể, cá nhân trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đạt thấp hoặc có vấn đề phức tạp, dư luận bức xúc[[61]](#footnote-61). Tổ chức đảng đạt trong sạch, vững mạnh; đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ ngày càng tăng[[62]](#footnote-62).

- *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng để phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân*

Các cấp ủy đảng tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tỉnh[[63]](#footnote-63). Thường xuyên nắm tình hình, lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời đối với hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; nâng cao chất lượng các cuộc vận động, phong trào thi đua, hướng các hoạt động về cơ sở, chăm lo và bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Chú trọng chỉ đạo và sơ, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết về công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; kiện toàn tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, thường xuyên kiểm tra, giám sát sự phối hợp của các cơ quan Đảng, chính quyền với Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội trong triển khai các chủ trương lớn về công tác dân vận, chỉ đạo các ngành chức năng bảo đảm các điều kiện cần thiết cho Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động. Quan tâm giới thiệu, bố trí cán bộ Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia cấp ủy, Hội đồng nhân dân các cấp.

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân**

***1.1.* *Ưu điểm***

Qua 20 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 23, đã tạo chuyển biến mới về thống nhất nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh về các quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp lớn của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở được củng cố, kiện toàn, đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; dân chủ và thực hành dân chủ được phát huy. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tỉnh ngày càng được củng cố và tăng cường. Các tầng lớp nhân dân tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng, sự quản lý điều hành của Nhà nước; kinh tế - xã hội ngày càng phát triển; diện mạo đô thị, nông thôn có nhiều thay đổi, khởi sắc; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng lên; tỷ lệ hộ nghèo giảm; an sinh xã hội được quan tâm thực hiện. Quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội ổn định.

***\* Nguyên nhân ưu điểm***

- Nghị quyết 23 ra đời đã đáp ứng yêu cầu của phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa Nghị quyết sát với điều kiện thực tiễn của địa phương, đề ra các giải pháp đồng bộ, khả thi, phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của người dân, sớm đưa Nghị quyết 23 đi vào cuộc sống.

- Sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo và hỗ trợ thường xuyên của Trung ương; sự nỗ lực, phấn đấu, đoàn kết, thống nhất của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trong tỉnh trong triển khai thực hiện.

- Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đã có nhiều cố gắng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; đa dạng hoá các hình thức tập hợp đoàn viên, hội viên; vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước của Trung ương và địa phương..

***1.2. Hạn chế***

- Sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân trong tỉnh có lúc, có nơi chưa được khơi dậy đúng mức, nhất là trong xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Đời sống của một bộ phận Nhân dân trong tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với trung bình của cả nước; sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa vùng miền núi và các vùng khác của tỉnh còn lớn, tỷ lệ hộ đói, nghèo ở các huyện miền núi còn cao.

- Tình hình khiếu nại, tố cáo của Nhân dân phát sinh nhiều, nhất là về lĩnh vực đất đai. Các tệ nạn xã hội ở một số nơi vẫn còn diễn biến phức tạp. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại một số địa phương, đơn vị có lúc, có nơi còn hình thức, hiệu quả thấp.

- Tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách nhà nước còn phụ thuộc nhiều vào Nhà máy lọc dầu Dung Quất; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn hạn chế. Hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập kinh tế chưa cao. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường còn nhiều bất cập. Chất lượng khám, chữa bệnh chưa thực sự đáp ứng yêu cầu.

- Việc đổi mới, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, thực hiện tinh giản biên chế bộc lộ một số mặt bất cập. Một số khâu trong công tác cán bộ còn hạn chế. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức đảng, đảng viên chưa cao.

- Công tác nắm bắt tình hình, tư tưởng, nguyện vọng của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân có nơi, có lúc chưa kịp thời. Một số phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể còn dàn trải, hiệu quả chưa cao.

***\* Nguyên nhân của hạn chế***

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết đôi lúc chưa sát cơ sở, sát dân, việc đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo, hoạt động chưa theo kịp yêu cầu của sự phát triển.

- Sự suy thoái về đạo đức và lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên; ý thức chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước của một bộ phận Nhân dân chưa tốt. Việc khắc phục sự phân hoá giàu, nghèo giữa các tầng lớp nhân dân, giữa các vùng, miền trong tỉnh hiệu quả chưa cao nên ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Xuất phát điểm của tỉnh về kinh tế, kết cấu hạ tầng rất thấp. Số hộ nghèo trong tỉnh, nhất là ở miền núi còn cao, giảm nghèo thiếu tính bền vững. Năng lực quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện của một số cơ quan, đơn vị ở cơ sở còn hạn chế.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở một số cơ sở còn yếu và thiếu nên có mặt ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

**2. Bài học kinh nghiệm**

- Luôn đề cao vai trò, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong việc cụ thể hoá, thể chế hoá thực hiện Nghị quyết 23; chăm lo củng cố, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, trước hết là xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, giữ vững vai trò là hạt nhân lãnh đạo, coi đây là nhân tố quyết định để đưa các nghị quyết của Trung ương vào thực tế cuộc sống. Các tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp phải luôn luôn coi việc thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc là nhiệm vụ của chính mình.

- Phải thường xuyên tăng cường cảnh giác với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch trong và ngoài nước trong thực hiện âm mưu *“diễn biến hoá bình”*,lợi dụng vấn đề *“dân tộc”, “tôn giáo”, “nhân quyền”* để kích động, chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

*-* Thực hiện tốt công tác dân vận của hệ thống chính trị; phát huy vai trò của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp trong tiếp xúc, đối thoại, tiếp công dân, giải quyết kịp thời nguyện vọng, bức xúc chính đáng của Nhân dân. Giải quyết tốt quan hệ lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội, kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và toàn xã hội, chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội, công bằng xã hội gắn với phát huy dân chủ, phát huy vai trò làm chủ thực sự của Nhân dân trên mọi mặt của đời sống xã hội.

- Phải thường xuyên chăm lo kiện toàn bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác vận động quần chúng trong hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống dân vận, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp.

-Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phảiphát huy vai trò nòng cốt trong xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc; thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đa dạng hóa các hình thức tập hợp, động viên các tầng lớp nhân dân, nhằm tạo sự đồng thuận cao trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kịp thời nắm tình hình và định hướng dư luận, xây dựng đồng thuận xã hội. Đẩy mạnh thực hiện các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước; động viên Nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua làm kinh tế giỏi, phát triển kinh tế gắn liền với phát triển văn hóa - xã hội; khen thưởng, động viên kịp thời những cá nhân có thành tích tiêu biểu, tạo sức lan tỏa trong cộng đồng.

**Phần thứ hai**

**NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

 **I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH**

 **1. Những thuận lợi, khó khăn của tình hình quốc tế, trong nước và địa phương tác động đến phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời gian tới**

 Tình hình thế giới, khu vực, biển Đông, biến đổi khí hậu, dịch bệnh có xu hướng diễn biến hết sức phức tạp, khó lường. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng xung đột sắc tộc và tôn giáo, chiến tranh cục bộ, xung đột chính trị, tranh chấp lãnh thổ ở một số nơi tiếp tục diễn ra. Cùng với đó, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang phát triển mạnh mẽ, tác động nhanh, sâu rộng đến mọi mặt của đời sống xã hội tạo ra cả thời cơ, thuận lợi và cả những khó khăn, thách thức mới.

 Ở trong nước, những thành tựu, kinh nghiệm trong hơn 35 năm đổi mới đã tạo ra cho đất nước thế và lực mới, khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố và tăng cường, niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước tiếp tục được nâng lên, thế trận lòng dân ngày càng vững chắc. Tuy nhiên, kinh tế vĩ mô còn chưa ổn định, tái cơ cấu nền kinh tế chuyển biến chậm, khó khăn trong sản xuất, kinh doanh; tình hình thiên tai, dịch bệnh, nhất là dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu *“diễn biến hòa bình”*, gây bạo loạn, hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta.

 Tỉnh Quảng Ngãi cũng có những thời cơ và thuận lợi cơ bản; nhiều thành tựu quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh,... đã tạo tiền đề quan trọng để đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp của tỉnh có thể sẽ đón nhận được các nhà đầu tư lớn từ làn sóng đầu tư mới vào Việt Nam. Tuy nhiên, tỉnh Quảng Ngãi cũng còn những khó khăn nhất định, hệ thống cơ sở hạ tầng, kinh tế, văn hóa xã hội chưa đồng bộ; tỷ lệ hộ nghèo, khoảng cách chênh lệch về đời sống giữa vùng đồng bằng và miền núi còn cao; lĩnh vực y tế, giáo dục, đào tạo và giải quyết việc làm còn hạn chế; thiên tai, dịch bệnh vẫn còn diễn biễn phức tạp, tiềm ẩn những yếu tố có thể tác động đến khối đại đoàn kết các dân tộc ở địa phương...

 **2. Những vấn đề mới, nội dung cần quan tâm để nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời gian tới**

Hiện nay, tình hình thế giới, trong nước đang có những thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen, đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới nặng nề, phức tạp hơn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải đoàn kết một lòng; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, có quyết tâm chính trị cao, dự báo chính xác, kịp thời diễn biến tình hình; chủ động ứng phó kịp thời với mọi tình huống; nỗ lực hơn nữa để tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; không ngừng gia tăng tiềm lực mọi mặt của quốc gia, bảo vệ vững chắc Tổ quốc và những thành quả đã đạt được; đưa đất nước ta vững bước tiến lên, phát triển nhanh và bền vững.

 **II. QUAN ĐIỂM**

Đoàn kết, đại đoàn kết toàn dân tộc giữ vị trí đặc biệt quan trọng, nhất quán và xuyên suốt trong đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, là cội nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu của cách mạng Việt Nam, có ý nghĩa quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa. Sau 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23, càng thể hiện rõ vai trò đặc biệt quan trọng của việc tăng cường củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao tinh thần yêu nước của Nhân dân, ý thức độc lập dân tộc, tinh thần tự lực, tự cường xây dựng đất nước, xem đó là những yếu tố quan trọng để củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

 **III. MỤC TIÊU**

 Củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu "*Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*". Tăng cường xây dựng chỉnh đốn đảng vững mạnh toàn diện cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức; xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở theo phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*"; kịp thời nắm bắt, giải quyết các vấn đề bức xúc, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, tận dụng thời cơ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển nhanh và bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, đảm bảo quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã hội. Giải quyết tốt các mối quan hệ, thu hẹp những khác biệt giữa các bộ phận xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

 **IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1.** Tiếp tục quán triệt sâu sắc mục tiêu, quan điểm về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc theo tinh thần Nghị quyết 23 và Kết luận số 57 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 23; Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị (khoá XIII) về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW *đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh* gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI, XII), Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Hội nghị lần thứ 4 BCH Trung ương (khoá XIII) và các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

**2.** Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Phát huy truyền thống anh hùng cách mạng và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; khai thác có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh, huy động các nguồn lực để tỉnh Quảng Ngãi phát triển nhanh và bền vững, đảm bảo quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

**3.** Tiếp tục cụ thể hóa những định hướng chính sách, giải pháp đối với các giai cấp, tầng lớp nhân dân: giai cấp công nhân; giai cấp nông dân; đội ngũ trí thức; thanh niên; phụ nữ; cựu chiến binh; người cao tuổi; các nhà doanh nghiệp; các dân tộc thiểu số; đồng bào các tôn giáo; cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các vấn đề xã hội, dân tộc, tôn giáo, gắn phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, thu hẹp khoảng cách về đời sống, thu nhập, hưởng thụ giữa các vùng, giữa thành thị với nông thôn.

**4.** Tăng cường xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân, bảo đảm sự thống nhất cao về tư tưởng và hành động, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đề cao cảnh giác với âm mưu "*Diễn biến hòa bình*" của các thế lực thù địch chống phá sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy vai trò của Mặt trận và các tổ chức đoàn thể, của lực lượng cốt cán, những người có uy tín trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

**5.** Tăng cường tiếp xúc, đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với dân để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng và ý kiến phản ảnh của Nhân dân để chỉ đạo giải quyết kịp thời, coi đây là một nhiệm vụ quan trọng trong việc xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

**6.** Chỉ đạo thực hiện đúng đắn, hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện; thực hiện tốt phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*" thành những chính sách, quy chế, quy định cụ thể để Nhân dân phát huy quyền làm chủ và thực hiện tốt trách nhiệm, nghĩa vụ đối với nhà nước và xã hội.

 **7.** Phát huy mạnh mẽ vai trò của chính quyền trong việc thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc. Nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư; sửa đổi lối làm việc theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Nâng cao tinh thần, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức theo phương châm “*trọng dân, gần dân, hiểu dân, có trách nhiệm với dân*”, “*nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin*”. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững. Kịp thời theo dõi, nắm bắt và giải quyết kịp thời, dứt điểm các vấn đề bức xúc, nổi cộm, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân ngay từ cơ sở, không để tồn đọng, phát sinh điểm nóng, tạo sự đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của các cấp chính quyền.

**8.** Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới; tăng cường đoàn kết, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân. Tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Nâng cao vai trò trách nhiệm đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, đoàn viên, hội viên; đổi mới công tác nắm bắt, dự báo tình hình tư tưởng trong Nhân dân; chủ động đề xuất, kiến nghị với cấp ủy, phối hợp với chính quyền giải quyết kịp thời những nguyện vọng chính đáng, những vấn đề mới, phức tạp phát sinh trong Nhân dân.

**V. KIẾN NGHỊ**

**1.** Sau khi tổng kết 20 năm Nghị quyết 23, kính đề nghị Trung ương ban hành Nghị quyết mới về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc phù hợp với việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới.

**2.** Để có nguồn kinh phí chi đầu tư và chi thường xuyên, đảm bảo thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn đến, nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, kiến nghị Quốc hội xem xét:

- Nâng mức chi đầu tư phát triển, đặc biệt là đối với các địa phương có điều tiết về ngân sách Trung ương; việc sử dụng nguồn tăng thu để cải cách tiền lương (70%) là chưa hợp lý, do đó cần có cơ chế cho sử dụng linh hoạt hơn nếu địa phương đủ đảm bảo kinh phí cho cải cách tiền lương.

- Nâng mức chi hỗ trợ theo tiêu chí dân số đối với chi thường xuyên theo Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Quốc hội.

- Hỗ trợ từ nguồn tăng thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu so với dự toán được giao (*Thu thuế xuất nhập khẩu hàng năm trên địa bàn tỉnh rất lớn và chủ yếu tại KKT Dung Quất, như năm 2021, tổng thu thuế xuất nhập khẩu là 8.256 tỷ đồng/5.000 tỷ đồng dự toán (vượt 3.256 tỷ đồng). Tuy nhiên, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước thì 100% khoản thu này chuyển Trung ương. Kính đề nghị Trung ương xem xét cho tỉnh được hưởng phần tăng thu thuế xuất nhập khẩu hàng năm để tái đầu tư nâng cấp hạ tầng KKT Dung Quất).*

**3.** Ban hành cơ chế, chính sách đặc thù về đào tạo, bồi dưỡng nhằm tạo nguồn cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số làm việc trong các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội từ Trung ương đến cơ sở.

 Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi kính báo cáo Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết 23 của Trung ương, Ban Dân vận Trung ương theo dõi, tổng hợp.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nơi nhận:- BCĐ Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng khóa IX,- Ban Dân vận Trung ương,- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc TU,- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,- BTV các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TU,- VPTU: CVP, PCVP, Phòng Tổng hợp,- Phòng Dân vận Chính quyền và Đoàn thể, BDVTU,- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy. | **T/M BAN THƯỜNG VỤ**PHÓ BÍ THƯ**Đinh Thị Hồng Minh** |  |

1. Đến nay có 705 đơn vị nợ BHXH với số tiền gần 91 tỷ đồng [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối tượng kiểm tra là tập thể lãnh đạo và người đứng đầu các tổ chức đảng gồm: các ban cán sự đảng, đảng đoàn, ban thường vụ các huyện, thị ủy và đảng ủy trực thuộc, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn và thủ trưởng các sở, ban, ngành, trong đó Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thành lập 02 Đoàn kiểm tra giúp Ban chỉ đạo kiểm tra của Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra trực tiếp tại ban thường vụ các huyện ủy: Sơn Hà, Bình Sơn, Tư nghĩa, Ba Tơ; Đảng đoàn Liên đoàn Lao động tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giao thông vận tải. Ngoài ra, Thường trực Tỉnh ủy đã làm việc, kiểm tra trực tiếp tại một số địa phương về việc triển khai, quán triệt và thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 23. [↑](#footnote-ref-2)
3. Đối tượng kiểm tra là tập thể lãnh đạo và người đứng đầu các tổ chức đảng gồm: ban cán sự đảng, đảng đoàn, ban thường vụ các huyện, thị ủy và đảng ủy trực thuộc, các sở, ban, ngành. Trong đó, kiểm tra trực tiếp tại huyện Trà Bồng, Minh Long, Sơn Tịnh, thị xã Quảng Ngãi, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Sở Y tế. [↑](#footnote-ref-3)
4. Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 11/KH-DVTU, ngày 25/3/2008 về giám sát Nghị quyết 23 đối với Ban Thường trực Uỷ ban MTTQVN tỉnh. [↑](#footnote-ref-4)
5. Tỉnh ủy khóa XVI ban hành các Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân. Tiếp tục chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 02/01/2008 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khoá IX). [↑](#footnote-ref-5)
6. Hoàn thành mở rộng Quốc lộ 1; đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi; tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh đang tiếp tục được đầu tư để kết nối hệ thống đường ven biển của các địa phương trong vùng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế biển và khai thác du lịch. Đầu tư hoàn thiện và đồng bộ hệ thống hạ tầng cảng Dung Quất 1 nhằm sớm hình thành tuyến container và phát triển dịch vụ logitics phục vụ vận chuyển hàng hóa thông qua cảng của Quảng Ngãi. Liên kết, phối hợp với các địa phương trong khu vực miền Trung Tây nguyên tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại và khuyến công, hoạt động văn hóa, thể dục thể thao. [↑](#footnote-ref-6)
7. Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy khóa XVI về: kiên cố hoá kênh mương thuỷ lợi; phát triển giao thông nông thôn miền núi; chuyển đổi sản xuất lúa 3 vụ/năm sang 2 vụ/năm. Tỉnh ủy khóa XVII, ban hành Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2006 - 2010; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng về thực hiện các biện pháp xây dựng và bảo vệ khu vực biên giới biển, đảo của tỉnh. Tỉnh ủy khóa XVIII ban hành Nghị quyết về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020; về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu giảm nghèo nhanh và bền vững ở 6 huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp và giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tỉnh ủy khóa XIX ban hành Nghị quyết về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, đảo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020. Tỉnh ủy khóa XX ban hành Nghị quyết về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi. [↑](#footnote-ref-7)
8. Y tế, giáo dục, nhà ở, tiền điện, tín dụng ưu đãi, trợ cấp bảo trợ xã hội, trợ giúp pháp lý, dạy nghề với tổng kinh phí 8.132.606,15 triệu đồng; dự án giảm nghèo: Chương trình 30, Chương trình 135, hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo, nâng cao năng lực, giảm nghèo về thông tin với tổng kinh phí 2.221.394,4 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-8)
9. Một số lễ hội được tổ chức: Lễ hội cầu mưa ở huyện Ba Tơ, Lễ hội Điện Trường Bà, Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa, Lễ hội cầu ngư, ra quân đánh bắt thủy sản, Lễ hội Ngã rạ, Lễ hội đua thuyền… [↑](#footnote-ref-9)
10. Lễ hội Điện trường Bà, Trà Bồng; Nghề dệt thổ cẩm truyền thống của người Hre, Ba Tơ; Nghệ thuật Cồng chiêng dân tộc Cor, Trà Bồng; Nghệ thuật trình diễn Chiêng Ba của người Hre, Ba Tơ; Lễ hội đua thuyền Tứ linh Lý Sơn. [↑](#footnote-ref-10)
11. Di tích Nghệ thuật kiến trúc Đình An Định; Di tích Thắng cảnh núi Giếng Tiền, Thắng cảnh núi Thới Lới. [↑](#footnote-ref-11)
12. Khối y tế dự phòng có 6 đơn vị, trong đó có 02 đơn vị xếp hạng II và 4 đơn vị xếp hạng III. Khối điều trị tuyến tỉnh có 6 đơn vị; tuyến huyện có 12 trung tâm y tế huyện, thị, thành phố đa chức năng xếp hạng III và chất lượng trung bình. Tuyến xã 173 trạm y tế. Số giường bệnh/vạn dân năm 2004: 13,83%; năm 2019: 29,35%; năm 2020: 29,53% và năm 2021: 29,53%. Số bác sỹ/vạn dân năm 2004: 3,25%; năm 2019: 7,61%; năm 2020: 7,45% và năm 2021: 7,63%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể chiều cao, thể cân nặng năm 2004: 32%; năm 2019: 14,3%; năm 2020: 13,5% và năm 2021: 13%. Tỷ lệ số xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế năm 2004: 0%; năm 2019: 85,9%; năm 2020: 88,44% và năm 2021: 88,44%. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế năm 2004: 17,53%; năm 2019: 94,73%; năm 2020: 95,81% và năm 2021: 95,92%. Tỷ lệ đạt chuẩn của trạm y tế xã, cơ sở y tế, phòng khám khu vực và bệnh viện tỉnh năm 2004: 0%; năm 2019: 85,9%; năm 2020: 88,44% và năm 2021: 88,44%. [↑](#footnote-ref-12)
13. Hiện nay cấp mầm non có 1.629 phòng học kiên cố/2.146 phòng học, đạt tỷ lệ 75,9% (tăng 198 phòng). Cấp tiểu học có 3.127 phòng học kiên cố/ 3.803 phòng học, đạt tỷ lệ 82,2%. Cấp THPT có 866 phòng học kiên cố/921 phòng học, đạt tỷ lệ 94%. [↑](#footnote-ref-13)
14. Đến hết năm 2021: Mầm non có 108 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 52,6%; Tiểu học có 127 trường, đạt tỷ lệ 82,5%; THCS có 114 trường, đạt tỷ lệ 87,7%; Tiểu học và THCS có 17 trường, đạt tỷ lệ 32,7%; THPT có 26 trường, đạt tỷ lệ 66,7%. Công tác phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục THCS tiếp tục được củng cố, duy trì, đạt tỷ lệ 100%. [↑](#footnote-ref-14)
15. Tỷ trọng sản phẩm công nghệ cao trong giá trị sản xuất công nghệ năm 2004 đạt 2,27%; năm 2019 đạt 67,07%; năm 2020 đạt 49,41%; năm 2021 đạt 38,28%. Tỷ lệ đầu tư cho khoa học và công nghệcủa tỉnh năm 2019: 60,586 triệu đồng chiếm 0,075% GRDP, chiếm 0,37% ngân sách; năm 2020: 76,558 triệu đồng chiếm 0,092% GRDP, chiếm 0,42% ngân sách; đến năm 2021: 40,283 triệu đồng chiếm 0,045% GRDP, chiếm 0,31% ngân sách. Đến năm 2020, số lượng cán bộ tham gia nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là 1.502 người, đạt tỷ lệ 12 cán bộ/vạn dân; đến năm 2021 là 1.784 người, đạt tỷ lệ 14 cán bộ/vạn dân. Từ năm 2010 - 2020 đã hỗ trợ cho 20 dự án đổi mới thiết bị, công nghệ với tổng kinh phí là 8,4 tỷ đồng; 100% doanh nghiệp sau đổi mới, trình độ công nghệ sản xuất đã có bước tiến vượt bậc từ chỗ sản xuất thủ công sang cơ giới hóa, từ cơ giới hóa sang tự động công nghệ cao. Từ năm 2006 - 2021, Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp phát triển tài sản trí tuệ, đã hỗ trợ về kinh phí cho 215 hồ sơ của 155 lượt doanh nghiệp với tổng kinh phí 2,2 tỷ đồng; có 575 nhãn hiệu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký bảo hộ, trong đó có 67 sản phẩm làng nghề, sản phẩm đặc thù địa phương được bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và 02 sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý. Hỗ trợ cho 162 lượt doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa với tổng số kinh phí thực hiện hỗ trợ: 4.970 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-15)
16. Chỉ số 17-CT/TU, ngày 16/11/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*Về phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nêu cao tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân của cán bộ, đảng viên*”; Chỉ thị số 31-CT/TU, ngày 13/6/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương không dùng, bia, rượu trong buổi trưa các ngày làm việc; Chỉ thị số 08-CT/TU, ngày 25/5/2021 về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp. [↑](#footnote-ref-16)
17. Chương trình số 08-CTr/TU, ngày 14/4/2016 thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Kế hoạch số 68-KH/TU, ngày 15/3/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 10-KL/TW, ngày 26/12/2006 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tham nhũng; Chương trình hành động số 04-CTr/TU, ngày 06/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 04-CT/TW, ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế; ban hành Quy dịnh về tiêu chí, quy trình lựa chọn thông tin báo cáo các vụ án, vụ việc thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, chỉ đạo và thực hiện thông tin, báo cáo nhanh các vụ việc, vụ án xảy ra trên địa bàn tỉnh (ban hành kèm theo Quyết định số 267-QĐ/TU ngày 02/7/2021). Chỉ thị số 26-CT/TU, ngày 01/02/2018 về việc nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Chỉ thị số 41-CT/TU, ngày 19/5/2020 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố liên quan đến dấu hiệu tội phạm và trật tự quản lý kinh tế, chức vụ; Chỉ thị số 20-CT/TU, ngày 20/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giám sát của HĐND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đối với hoạt động tư pháp; Quy định số 688-QĐ/TU, ngày 08/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chỉ đạo, định hướng cung cấp thông tin tuyên truyền, phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh. Thành lập Ban Chỉ đạo phòng chống tham nhũng, lãng phí tỉnh. [↑](#footnote-ref-17)
18. Quyết định số 1856-QĐ/TU, ngày 20/10/2011 ban hành Quy chế phối hợp giữa ban dân vận cấp uỷ các cấp với các cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp trong việc triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề bức xúc của nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 2840-QĐ/TU, ngày 25/01/2013 về việc thành lập Tổ công tác giúp Ban Chỉ đạo tỉnh về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tham gia vận động hòa giải những vấn đề bức xúc, nổi cộm của nhân dân trên địa bàn tỉnh. [↑](#footnote-ref-18)
19. Quyết định số 2539-QĐ/TU, ngày 25/4/2012 ban hành Quy chế tiếp xúc, đối thoại giữa bí thư các cấp uỷ đảng trong tỉnh với nhân dân; Quyết định số 454-QĐ/TU ngày 14/11/2016 về Quy chế tiếp xúc, đối thoại trực tiếp giữa bí thư các cấp ủy Đảng trong tỉnh với Nhân dân; Quyết định số 1575-QĐ/TU ngày 10/6/2019 về ban hành Quy chế Bí thư Tỉnh ủy tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của dân khi Bộ Chính trị ban hành Quy định số 11-QĐi/TW ngày 18/02/2019. [↑](#footnote-ref-19)
20. Bí thư Tỉnh ủy đối thoại trực tiếp với: nhân dân xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ liên quan đến Dự án Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt huyện Đức Phổ; với đại diện tổ chức Công đoàn, công nhân, người lao động ở địa bàn Khu Kinh tế Dung Quất và Khu Công nghiệp VSIP; với hội viên nông dân, đại diện các Hợp tác xã, doanh nghiệp về lĩnh vực "*Nông nghiệp, nông dân, nông thôn*"; với đoàn viên, hội viên, thanh niên, phụ nữ trên địa bàn tỉnh với chủ đề "*Vấn đề khởi nghiệp, dạy nghề, giải quyết việc làm phát triển kinh tế cho đoàn viên, hội viên, thanh niên, phụ nữ trong giai đoạn hiện nay*"; với cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân huyện Lý Sơn; với cán bộ, công chức, viên chức ngành y tếđể nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc liên quan đến chế độ, chính sách và công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh; với Bí thư chi bộ, trưởng thôn và người có uy tín ở các huyện miền núi và các huyện đồng bằng có đồng bào dân tộc thiểu số để nắm bắt những vấn đề đồng bào các dân tộc thiểu số quan tâm trong phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. [↑](#footnote-ref-20)
21. Huyện Bình Sơn: 23 cuộc; Thành phố Quảng Ngãi: 20 cuộc; huyện Trà Bồng: 38 cuộc; huyện Sơn Tây: 10 cuộc; huyện Mộ Đức: 20 cuộc; huyện Minh Long: 17 cuộc; huyện Lý Sơn: 09 cuộc; huyện Sơn Tịnh: 21 cuộc; huyện Đức Phổ: 20 cuộc; huyện Ba Tơ: 18 cuộc; huyện Tư Nghĩa: 23 cuộc; huyện Sơn Hà: 13 cuộc; huyện Nghĩa Hành: 18 cuộc. [↑](#footnote-ref-21)
22. Huyện Bình Sơn: 263 cuộc; Thành phố Quảng Ngãi: 206 cuộc; huyện Trà Bồng: 251 cuộc; huyện Sơn Tây: 180 cuộc; huyện Mộ Đức: 195 cuộc; huyện Minh Long: 35 cuộc; huyện Sơn Tịnh: 115 cuộc; huyện Đức Phổ: 258 cuộc; huyện Ba Tơ: 191 cuộc; huyện Tư Nghĩa: 254 cuộc; huyện Sơn Hà: 134 cuộc; huyện Nghĩa Hành: 176 cuộc. [↑](#footnote-ref-22)
23. Chương trình hành động số 22-CTr/TU, ngày 25/4/2008 về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28/01/2008 của Ban Chấp hành Trung ương khoá X *"về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước"*; Kế hoạch số 50-KH/TU, ngày 09/3/2009 về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ngãi nhằm cung cấp kịp thời lao động qua đào tạo nghề, công nhân lành nghề cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, nhất là Khu Kinh tế Dung Quất; Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 13/10/2011 về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực của tỉnh, giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng 2020. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1172/QĐ-UBND, ngày 24/7/2009 về việc phê duyệt Đề án Đào tạo nghề cho lao động tại các khu công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2009 - 2010 và định hướng đến năm 2015; chỉ đạo đổi mới, nâng cao chất lượng các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề trên địa bàn tỉnh. [↑](#footnote-ref-23)
24. Tỉnh ủy Quảng Ngãi ban hành Chương trình hành động số 29-CTr/TU, ngày 19/11/2008 thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá X *về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;* Tỉnh ủy khóa XIX ban hành Kết luận số 30-KL/TU, ngày 26/4/2016 về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2020;nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020 (*theo Kết luận 61-KL/TW của Ban Bí thư và Quyết định 673/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ*); Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 61 tỉnh và 14/14 huyện, thành ủy đã thành lập ban chỉ đạo. Ban cán sự đảng UBND tỉnh thông qua UBND tỉnh ban hành và triển khai thực hiện Quyết định số 1662/QĐ-UBND, ngày 11/11/2011 về việc phê duyệt Đề án “*Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020*”. Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. [↑](#footnote-ref-24)
25. Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 7/5/2007 của Tỉnh uỷ về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2007 - 2010 và định hướng đến năm 2015; Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 13/10/2011 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020; Kết luận số 17-KL/TU, ngày 19/4/2016 của Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị và phục vụ sản xuất kinh doanh, giai đoạn 2016 - 2020; Chương trình hành động số 28-CTr/TU, ngày 29/10/2008 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH; Chương trình hành động số 54-CTr/TU, ngày 24/10/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao; Quyết định số 8738-QĐ/TU, ngày 02/12/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc ban hành Đề án đào tạo, tuyển chọn, chuẩn hoá cán bộ chủ chốt xã, phường, thị trấn của tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 1376-QĐ/TU, ngày 10/8/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về Đề án tuyển chọn, bổ sung tạo nguồn cán bộ lãnh đạo trẻ cấp tỉnh, cấp huyện; Quyết định số 2172-QĐ/TU, ngày 16/11/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thành lập Hội đồng tuyển chọn, bổ sung tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ của tỉnh; Quyết định số 2952-QĐ/TU, ngày 30/5/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020; Quy định số 3814-QĐ/TU, ngày 16/6/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tuyển chọn các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý bằng hình thức thi tuyển; Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2011 - 2015; Kết luận số 298-KL/TU, ngày 13/04/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3, khóa XX về tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ; Đề án 08-ĐA/TU, ngày 12/11/2021 về tạo nguồn và phát triển cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số giữ các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đến năm 2030, định hướng đến năm 2035; Đề án 09-ĐA/TU, ngày 27/01/2022 đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030; Đề án 12-ĐA/TU, ngày 07/9/2022 về xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cho hệ thống chính trị của tỉnh trong 05 năm, 10 năm, 20 năm đến; Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 01/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. [↑](#footnote-ref-25)
26. Chương trình hành động số 27-CTr/TU, ngày 24/10/2008 thực hiện Nghị quyết Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 25/7/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “*Tăng cường dự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”; Công văn số 2484-CV/TU ngày 14/3/2014 triển khai thực hiện Kết luận số 80-KL/TW, ngày 25/12/2013 của Bộ Chính trị về “*Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 25*”; Chỉ thị số 33-CT/TU, ngày 12/11/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển Thanh niên Việt Nam giai đoạn 2012 – 2020 trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo các cấp bộ Đoàn thực hiện tốt Cuộc vận động “*Xây dựng giá trị hình mẫu Thanh niên Việt Nam thời kỳ mới*”; Kế hoạch số 33-KH/TU, ngày 26/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổ chức đối thoại trực tiếp giữa đồng chí Bí thư Tỉnh ủy với dân năm 2021; trong đó có nội dung đối thoại trực tiếp với đại diện đoàn viên, thanh niên trên địa bàn tỉnh về khởi nghiệp, dạy nghề và tạo việc làm. [↑](#footnote-ref-26)
27. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 17-CTr/TU, ngày 10/7/2007 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị (khóa X) *về công tác phụ nữ thời kỳ* *đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*; Chỉ thi số 25-CT/TU, ngày 04/9/2013 về đẩy mạnh xây dựng gia đình thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh; Công văn số 2619-CV/TU, ngày 19/3/2018 về triển khai thực hiện Chỉ thị 21-CT/TW ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới và công tác cán bộ nữ. Chỉ đạo hội liên hiệp phụ nữ các cấp thực hiện Chỉ thị 49-CT/TW, ngày 21/02/2005 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “*Xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*”, ***“****Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới”* gắn với xây dựng người phụ nữ Quảng Ngãi nghĩa tình, đoàn kết, có tri thức, năng động, sáng tạo, có tinh thần hợp tác cao, thân thiện. [↑](#footnote-ref-27)
28. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 338/QĐ-UBND, ngày 06/3/2009 phê duyệt Kế hoạch hành động phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2009 - 2015; Quyết định số 144/QĐ-UBND, ngày 07/7/2011 về ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, giai đoạn 2011 – 2020; Quyết định 125/QĐ-UBND, ngày 18/01/2013 về phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm, giai đoạn 2010 – 2015 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 481/2008/QĐ-UBND, ngày 31/12/2008 Quy định chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được cử đi đào tạo trong và ngoài nước, trong đó quy định cụ thể một số chính sách đối với cán bộ nữ (*Chính sách này được thực hiện hết năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh đang tiếp tục nghiên cứu ban hành chính sách mới*). Quyết định số 711/QĐ-UBND, ngày 22/5/2013 phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 1693/QĐ-UBND, ngày 19/9/2016 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình giáo dục đời sống gia đình trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020; Quyết định số 18/2013/QĐ-UBND, ngày 17/4/2013 quy định trách nhiệm của các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ tham gia quản lý nhà nước và một số chủ trương, chính sách khác liên quan đến phụ nữ. [↑](#footnote-ref-28)
29. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Công văn số 2152-CV/TU ngày 17/3/2010 thực hiện Kết luận 66-KL/TW, ngày 04/3/2010 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TW, ngày 08/01/2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) về “*tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác* *cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới*”; Thông báo số 230-TB/TU, ngày 08/8/2007 thông *báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị* *sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 09*. [↑](#footnote-ref-29)
30. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 155/QĐ-UBND, ngày 09/02/2022 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia về Người cao tuổi giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; thực hiện Đề án chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng theo Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 và Kế hoạch số 104/KH-UBND, ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh; Kế hoạch 70/KH-UBND, ngày 27/4/2022 về nhân rộng mô hình câu lạc bộ liên thế hệ đến năm 2025. [↑](#footnote-ref-30)
31. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành: Chương trình hành động số 23-CTr/TU, ngày 07/5/2012 thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 20/4/2012 của Bộ Chính trị về “*Xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*”; Kế hoạch số 05-KH/TU ngày 16/11/2010 triển khai thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 29/7/2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá X) về "Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 07-CT/TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) nhằm tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài"; thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đảng và các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp của tỉnh và Bộ phận giúp việc cho Ban Chỉ đạo. [↑](#footnote-ref-31)
32. Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; phê duyệt Đề án lập Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Quảng Ngãi; Đề án củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; Cơ chế hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình của dự án đầu tư trong Khu quy hoạch đô thị mới Vạn Tường thuộc Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi; Chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thuộc các lĩnh vực giết mổ gia súc, gia cầm; chăn nuôi gia súc; sản xuất rau an toàn và sản xuất cây dược liệu. [↑](#footnote-ref-32)
33. Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 24/5/2013 về phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ doanh nhân tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013 **-** 2015; Kế hoạch số 2844/KH-UBND, ngày 21/8/2012 về trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2013; Văn bản số 2143/UBND-ĐNMN, ngày 24/7/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh có về việc xem xét kiến nghị của các doanh nghiệp; Kế hoạch số 42/KH-UBND, ngày 05/01/2013 thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn II (2013 – 2015); Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 qui định chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2015-2020; Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 31/5/2016 ban hành Kế hoạch về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Quảng Ngãi hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020. [↑](#footnote-ref-33)
34. Trà Bồng (gồm Tây Trà và Trà Bồng cũ), Sơn Tây, Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ và 16 xã miền núi của các huyện đồng bằng là Mộ Đức, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa và Bình Sơn. [↑](#footnote-ref-34)
35. Tỉnh ủy khoá XVI ban hành Chương trình hành động số 13-CTr/TU, ngày 04/6/2003 thực Nghị quyết 24-NQ/TW về công tác dân tộc; Quyết định số 9747-QĐ/TU, ngày 03/03/2009 và Quyết định số 1711-QĐ/TU ngày 07/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Đề án xây dựng người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 30-CT/TU, ngày 13/3/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng nhằm ngăn chặn, tiến tới đẩy lùi hủ tục nghi kỵ “*Cầm đồ thuốc độc*” trên địa bàn các huyện miền núi của tỉnh; Chỉ thị số 15-CT/TU, ngày 30/11/2016 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tuyên truyền, giáo dục sức khỏe, giới tính, ngăn ngừa, giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 04/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân tộc. [↑](#footnote-ref-35)
36. Chỉ thị số 15/CT-UBND, ngày 27/7/2016 về việc nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan Nhà nước; Công văn số 3069/UBND-NC, ngày 16/6/2016 chỉ đạo các sở, ban ngành, các cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố trong tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị và Quy định 4054-QĐ/TU, ngày 24/10/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Công văn số 3442/UBND-NC, ngày 30/6/2016 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; Chỉ thị số 12/CT-UBND, ngày 14/5/2018 về việc đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và công tác dân vận chính quyền;*...* [↑](#footnote-ref-36)
37. Quyết định 737/QĐ-UBND, ngày 27/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Công vănsố 5451/UBND-CNXD, ngày 10/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về lấy ý kiến cộng đồng dân cư trước khi quyết định chủ trương đầu tư dự án; Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND, ngày 04/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế tổ chức và đối thoại của đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp với Nhân dân trên địa bàn tỉnh. [↑](#footnote-ref-37)
38. Bộ phận một cửa được thành lập tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh và 13 đơn vị cấp huyện, 173 đơn vị cấp xã. Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết và trả kết quả trước hạn và đúng hạn của các sở, ban ngành tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh đạt chất lượng cao, bình quân đạt 98%; trong đó, đối với lĩnh vực đất đai của hộ gia đình, cá nhân đạt gần 90% (*tăng gần 30% so với trước khi đưa vào thực hiện tại Trung tâm*). [↑](#footnote-ref-38)
39. Tra cứu tiến độ xử lý hồ sơ nhanh qua mạng Zalo thông qua mã QR có trên Giấy biên nhận. Phối hợp với cơ quan chủ trì giải quyết hồ sơ thực hiện tốt việc thông báo công khai văn bản xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả đối với các hồ sơ trễ hẹn; gửi tin nhắn SMS thông báo mời người dân, doanh nghiệp đến nhận kết quả giải quyết trước thời hạn. [↑](#footnote-ref-39)
40. HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND, ngày 14/7/2017 về Quy định nội dung và mức chi cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, huyện, xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. UBND tỉnh ban hành các Công văn: số 6778-UBND-TH, ngày 02/11/2017 về việc thực hiện Quy định số 4054-QĐ/TU, ngày 24/10/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp trong tỉnh tiếp thu góp ý xây dựng đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp và Nhân dân; số 6921/UBND-NC ngày 09/11/2017 về việc triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực tỉnh ủy về việc thực hiện Quy định số 4054-QĐ/TU. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 20-CT/TU, ngày 20/6/2022 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giám sát của HĐND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đối với hoạt động tư pháp. [↑](#footnote-ref-40)
41. Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; chủ trương, phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn; mức thu các loại phí, lệ phí; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư; chủ trương, kế hoạch vay vốn để phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương,.. [↑](#footnote-ref-41)
42. Điển hình như: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã Đức Phổ phối hợp lấy ý kiến Nhân dân theo quy định Pháp lệnh 34 bằng hình thức tổ chức cuộc họp kết hợp với việc phát phiếu lấy ý kiến đối với một số công trình, dự án tại địa phương: Tuyến đường QL1A-Bến Bè (ĐH. 43); Lý trình: KM2+688,33-KM4+750,46 (Địa bàn xã Phổ Nhơn đạt 90% số phiếu đồng ý; phường Phổ Ninh 100% số phiếu đồng ý). Công trình: Đầu tư xây dựng công trình hệ thống thoát nước trung tâm đô thị Đức Phổ (*Địa bàn phường Nguyễn Nghiêm đạt 100% số phiếu đồng ý; phường Phổ Minh đạt 100% số phiếu đồng ý; phường Phổ Ninh 97% số phiếu đồng ý*). Công trình: Kênh thoát nước chống ngập úng Đồng Lau, xã Phổ Vinh, Phổ Quang (*Địa bàn phường Phổ Vinh 97% số phiếu đồng ý; phường Phổ Quang 100% số phiếu đồng ý*). Công trình: Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường tỉnh lộ ĐT.627B đoạn Phổ An - Phổ Quang (*Địa bàn phường Phổ Quang 100% số phiếu đồng ý; phường Phổ An 100% số phiếu đồng ý)*. Thành ủy Quảng Ngãi chỉ đạo tổ chức họp lấy ý kiến cộng đồng dân cư ở xóm: Gò Đá, Tân An, Khánh Vân thuộc xã Tịnh Thiện về Dự án xây dựng Nhà máy xử lý chất thải rắn Đồng Nà; các dự án như: Cầu Cổ Luỹ, Cầu Thạch Bích, Đường bờ Nam sông Trà Khúc; Đề án dồn điền đổi thửa và các công trình, dự án khác trên địa bàn thành phố. [↑](#footnote-ref-42)
43. Trong đó đào tạo, bồi dưỡng trong nước 99.689 lượt người; đào tạo, bồi dường nước ngoài 551 người. [↑](#footnote-ref-43)
44. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND, ngày 07/5/2013, Quyết định số 48/2021/QĐ- UBND, ngày 22/9/2021 quy định một số biện pháp chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh; Chỉ thị số 17/CT-UBND, ngày 10/11/2016 về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; Quy định tiêu chí, cách đánh giá, xếp loại công tác dân vận của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh (*ban hành kèm theo Quyết định 436/QĐ-UBND ngày 11/6/2019*). Kế hoạch sinh hoạt chuyên đề của chi bộ, cơ quan và trong bản cam kết tu dưỡng rèn luyện, phấn đấu của từng cán bộ, đảng viên. [↑](#footnote-ref-44)
45. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Kết luận 62-KL/TW, ngày 19/3/2009 của Bộ Chính trị (khoá X) và Kết luận số 375-KL/TU ngày 18/3/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp, giai đoạn 2010 - 2020. [↑](#footnote-ref-45)
46. Mặt trận tỉnh hiện có 37 tổ chức thành viên; toàn tỉnh có 954 Ban Công tác Mặt trận. Hội LHPN toàn tỉnh có 1.463 câu lạc bộ, mô hình các loại với 51.215 phụ nữ tham gia; tỷ lệ tập hợp hội viên đạt 55%. Nông dân có 1.382 câu lạc bộ, mô hình các loại với 12.650 nông dân tham gia; tỷ lệ tập hợp hội viên đạt 71%. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh có 652 câu lạc bộ, mô hình các loại với hơn 16.000 thanh niên tham gia; tỷ lệ tập hợp thanh niên đạt 100%. Công đoàn có 433 câu lạc bộ, mô hình các loại; tỷ lệ tập hợp đoàn viên đạt 82%. Hội Cựu chiến binh có 885 câu lạc bộ, mô hình các loại với 29.755 CCB tham gia; tỷ lệ tập hợp hội viên đạt 70%. [↑](#footnote-ref-46)
47. Từ năm 2019 đến nay, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã tổ chức 04 hội nghị tập huấn về giám sát và phản biện xã hội, đổi mới, nâng cao hiệu lực hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cho lãnh đạo Ủy ban MTTQ các cấp trong tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đã thực hiện 1.957 cuộc giám sát đối với 1.844 công trình, dự án; Ban Thanh tra nhân dân đã thực hiện 1.181 cuộc giám sát. [↑](#footnote-ref-47)
48. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 06-CT/TU, ngày 05/4/2021 về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác tư tưởng, nhất là nắm bắt, định hướng, giải quyết các vấn đề tư tưởng trong tình hình mới. Báo Quảng Ngãi xây dựng chuyên trang, chuyên mục Xây dựng Đảng, Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Ngãi xây dựng chuyên mục Xây dựng Đảng, phát trên sóng truyền hình 1 số/tháng; sóng phát thanh “Đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, 1số/tuần và Xây dựng Đảng, 1
số/tháng. Cổng thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh xây dựng 02 chuyên mục “Xây dựng Đảng” và “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng”, đã đăng tải một số bài viết như: Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; Phản bác quan điểm sai trái, xuyên tạc “Tư tưởng Hồ Chí Minh đối lập với chủ nghĩa Mác-Lênin”; Đổi mới công tác tuyên giáo trong đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” và phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nội bộ; Nêu cao cảnh giác, ngăn chặn kịp thời việc bịa đặt, vu cáo các lãnh tụ tiền bối và lãnh đạo Đảng, Nhà nước; Xây dựng lý luận sắc bén để đấu tranh, phản bác có hiệu quả với quan điểm sai trái, thù địch… [↑](#footnote-ref-48)
49. Có 100% cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, 90% đảng viên trong toàn Đảng bộ và 97% cán bộ, công chức, viên chức ở các cơ quan, đơn vị, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và hội viên, đoàn viên của Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh đã viết Bản cam kết tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu cá nhân. [↑](#footnote-ref-49)
50. Trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử, niêm yết tại trụ sở cơ quan, đơn vị; bản tin Thông tin nội bộ (*Dùng trong sinh hoạt chi bộ*), thông qua hoạt động báo cáo viên, tuyên truyền miệng; các cuộc họp, hội nghị của các cơ quan hành chính Nhà nước hoặc sinh hoạt của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. [↑](#footnote-ref-50)
51. Đến nay, có 86 ha diện tích cây ăn quả được chứng nhận VietGAP; toàn tỉnh có 512 mô hình cánh đồng mẫu lớn, thực hiện dồn điền đổi thửa trên 263 cánh đồng. [↑](#footnote-ref-51)
52. Trên địa bàn tỉnh có khoảng 120 tổ hợp tác, hợp tác xã, mô hình phát triển kinh tế hiệu quả do thanh niên làm chủ có sự hỗ trợ từ các tổ chức Đoàn, Hội và hơn 3.500 công trình, phần việc thanh niên góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Có hơn 730 phụ nữ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp được giúp về vốn, kiến thức, kết nối sản phẩm, qua đó đã hình thành 80 Tổ hợp tác/Tổ liên kết/Tổ dịch vụ. Hội Nông dân có hơn 100 mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã đã và đang phát huy hiệu quả cũng như tiếp cận được nguồn đầu tư, quỹ hỗ trợ từ các chính sách ưu đãi về phát triển nông nghiệp và nông thôn với 85.134 hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi. [↑](#footnote-ref-52)
53. Đã tổ chức 164 phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn, 66 Hội chợ triển lãm thương mại với hơn 4.000 lượt doanh nghiệp tham dự, thu hút 2,5 triệu lượt khách, doanh thu trên 250 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-53)
54. Tính đến cuối năm 2021, các tổ chức chính trị - xã hội đã tín chấp, ủy thác cho 106.306 đoàn viên, hội viên vay với tổng số tiền 5.295,757 tỷ đồng; góp phần phát triển kinh tế; cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của hội viên, đoàn viên và nhân dân. [↑](#footnote-ref-54)
55. Phong trào “Xanh, sạch, đẹp, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động" của các cấp công đoàn; mô hình “Phụ nữ với công tác phòng, chống tội phạm, ma túy, mại dâm”; “Cổng trường bình yên” của Cựu chiến binh, Câu lạc bộ “Cựu chiến binh với an ninh trật tự”; mô hình “Phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội” của chi hội nông dân; Công an với các mô hình “Liên hộ gia đình tự quản về an ninh trật tự”, “Camera an ninh”; Bộ đội Biên phòng tỉnh phối hợp với các địa phương thành lập tổ tự quản tàu thuyền, tổ bến bãi an toàn, tổ an ninh trật tự thôn xóm ở các xã ven biển; mô hình đoạn đường tự quản, đoạn đường hoa của phụ nữ, cựu chiến binh, thanh niên, nông dân; mô hình "Không rải vàng mã khi đưa tang gắn với lễ báo hiếu gọn nhẹ" của thành phố Quảng Ngãi; “Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và các hoạt động ở khu dân cư, hộ gia đình”. [↑](#footnote-ref-55)
56. Quyết định số 1741/QĐ-UBND, ngày 08/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập, giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 703/QĐ-UBND, ngày 01/6/2022 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình "Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 916/QĐ-UBND, ngày 13/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình "Xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Đến nay, toàn tỉnh có 2.928 tổ chức Hội Khuyến học, trong đó 173 Hội Khuyến học cấp xã, phường, thị trấn, 10 Hội Khuyến học các trường đại học, cao đẳng; 28 Ban Khuyến học cơ quan cấp tỉnh; 1.899 chi hội khuyến học và 818 Ban Khuyến học cơ quan cấp huyện, cấp xã, các trường phổ thông và dòng họ. Đến nay, Hội viên Hội Khuyến học tỉnh Quảng Ngãi là 244.755 người, tỷ lệ 18,9% dân số. [↑](#footnote-ref-56)
57. Từ năm 2017 - 2020, toàn tỉnh có hàng nghìn tập thể, cá nhân được các chi, đảng bộ cơ sở tặng giấy khen; có 1.178 gương tập thể, cá nhân điển hình được khen thưởng cấp huyện trong việc học tập và làm theo Bác; có 353 tập thể, cá nhân được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen, trong đó có 13 tập thể, cá nhân được nhận Thư khen của Bí thư Tỉnh ủy. Có 01 tập thể, 4 cá nhân được nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ,… [↑](#footnote-ref-57)
58. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành: Chương trình số 11-CT/TU, ngày 30/8/2021 về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; Đề án số 07-ĐA/TU ngày 28/10/2021 về thí điểm mô hình Dân tin - Đảng cử; Quy định số 4054-QĐ/TU, ngày 24/10/2014 về trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp trong tỉnh tiếp thu góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân; triển khai thực hiện Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội; quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng đảng, xây dựng chính quyền (ban hành kèm theo Quyết định số 217, 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị). Triển khai thực hiện Quy định 55-QĐ/TW, ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên; Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 7/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; Quy định 08-QĐi/TW, ngày 25/10/2018 về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Quyết định số 306-QĐ/TU, ngày 25/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định trách nhiệm và xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, [↑](#footnote-ref-58)
59. Kế hoạch số 08-KH/TU, ngày 24/11/2020; Thông báo số 316-TB/TU, ngày 10/01/2022 về việc phân công các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tham gia sinh hoạt ở tổ chức cơ sở đảng năm 2022. [↑](#footnote-ref-59)
60. Từ năm 2017 đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra 14 lượt đảng viên (08 Tỉnh ủy viên) và 20 lượt tổ chức đảng; giám sát 15 lượt đảng viên (09 Tỉnh ủy viên) và 62 lượt tổ chức đảng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XI, XII) về tăng cường xây dựng chỉnh đốn đảng, gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. [↑](#footnote-ref-60)
61. Từ năm 2018 đến nay, đã gợi ý kiểm điểm đối với 50 tập thể và các cá nhân có liên quan; đồng thời, chỉ đạo ban thường vụ cấp ủy cấp huyện (tương đương) gợi ý kiểm điểm đối với tập thể và cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý. [↑](#footnote-ref-61)
62. **Năm 2003**, có 476 tổ chức đạt trong sạch, vững mạnh (đạt 66,57%%), 226 tổ chức hoàn thành nhiệm vụ (chiếm 31,6%), 13 tổ chức yếu kém (chiếm 1,81%); đánh giá đảng viên: có 15.748 đồng chí đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ (đạt 61,92%), 9.418 đồng chí hoàn thành nhiệm vụ (chiếm 37,03%), 265 đồng chí vi phạm tư cách (chiếm 1,04%). **Năm 2021**, có 3.152 tổ chức đảng hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt nhiệm vụ (đạt 94,09%), 196 tổ chức đảng hoàn thành nhiệm vụ (chiếm 5,85%), 02 tổ chức đảng không hoàn thành nhiệm vụ (chiếm 0,06%); Đánh giá đảng viên: có 47.010 đồng chí hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt nhiệm vụ (đạt 93,68%%), 2.918 đồng chí hoàn thành nhiệm vụ (chiếm 5,81%), 254 đồng chí không hoàn thành nhiệm vụ (chiếm 0,51%). [↑](#footnote-ref-62)
63. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy chế về công tác dân vận trong hệ thống chính trị (*Quyết định số 11100-QĐ/TU, ngày 24/6/2010 và Quyết định số 396-QĐ/TU, ngày 19/10/2021*); phân công đồng chí phó bí thư thường trực cấp ủy phụ trách công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội; định kỳ (hàng quý) cấp ủy chủ trì làm việc với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp để đánh giá kết quả thực hiện công tác trọng tâm và giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc, những vấn đề đặt ra phù hợp với tình hình cụ thể của từng tổ chức và địa phương ; hàng năm, định hướng nội dung hoạt động, thống nhất chương trình giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. [↑](#footnote-ref-63)